

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ cây
giống, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại
do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 5/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14/4/2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa;

Căn cứ Thông tư số 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ;



Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2012/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch;

Căn cứ Thông tư số 36/2009/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 114/TTr-SNNPTNT ngày 19/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ cây giống, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”.

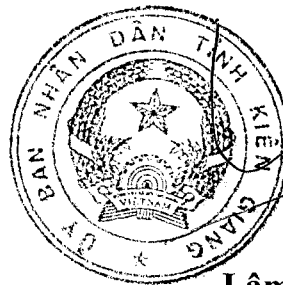
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KTCN;
- Lưu: VT, tcdanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Sa

QUY ĐỊNH

**Cơ chế, chính sách hỗ trợ cây giống, vật nuôi, thủy sản để khôi
phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)*

**Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các loại thiên tai gây thiệt hại trực tiếp đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản bao gồm: Bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn; rét đậm, rét hại kéo dài.

Các loại dịch hại, dịch bệnh nguy hiểm đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản bao gồm: rầy nâu; bệnh vàng lùn, lùn sọc đen, lùn xoắn lá; bệnh chổi cỏ mía, chổi rồng; bệnh cúm gia cầm; bệnh lở mồm long móng; bệnh tai xanh ở heo; bệnh đốm trắng, bệnh đầu vàng đối với tôm sú, tôm chân trắng; bệnh hội chứng Taura đối với tôm chân trắng.

Ngoài ra, đối với các loại dịch hại, dịch bệnh nguy hiểm khác mới xuất hiện (chưa xác định được tác nhân gây bệnh) nhưng có khả năng lây lan nhanh trên diện rộng, gây chết hàng loạt được các đơn vị chuyên ngành trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND tỉnh công bố dịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào danh mục cần phải công bố dịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

**Chương 2
HỖ TRỢ THIẾT HẠI**

Điều 3. Thời gian hỗ trợ.

1. Đối với thiên tai: Kể từ ngày thiên tai xảy ra trên từng địa bàn cụ thể theo quyết định công bố loại thiên tai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với dịch bệnh nguy hiểm: kể từ ngày có quyết định công bố dịch trên địa bàn đến khi có quyết định công bố hết dịch của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Mức hỗ trợ.

1. Hỗ trợ đối với cây trồng.

a. Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm:

- Diện tích gieo cấy lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;
- Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;
- Diện tích lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha;
- Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;
- Diện tích bắp và rau màu các loại thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;
- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại hơn 70% hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

b. Thiệt hại do bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa (theo Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14/4/2014 của Bộ Tài chính)

- Chi hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân có diện tích lúa bị nhiễm bệnh phải tiêu hủy theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với mức 4.000.000 đồng/ha lúa bị tiêu hủy.

- Hỗ trợ 12 kg gạo/người/tháng để cứu đói cho các hộ nông dân có diện tích lúa bị nhiễm bệnh, thời gian hỗ trợ tối đa 06 tháng.

c. Ngoài ra đối với diện tích lúa bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh còn được hỗ trợ về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ và Thông tư số 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2012 của Bộ Tài chính):

- Diện tích gieo cấy trong phạm vi 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 1.750.000 đồng/ha;
- Diện tích gieo cấy trên 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha;

2. Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm.

a. Thiệt hại do thiên tai:

- Gia cầm hỗ trợ 20.000 đồng/con.
- Heo hỗ trợ 750.000 đồng/con.
- Trâu, bò, ngựa hỗ trợ 4.000.000 đồng/con.
- Hươu, nai, cừu, dê hỗ trợ 2.000.000 đồng/con.

b. Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm (theo Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 719/QĐ-TTg ngày 5/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ).

Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức tương đương 70% giá trị gia súc, gia cầm thương phẩm của người sản xuất bán trên thị trường, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 38.000 đồng/kg hơi đối với heo.
- Hỗ trợ 45.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai.
- Hỗ trợ 35.000 đồng/kg con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

3. Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy, hải sản

a. Diện tích nuôi cá truyền thống bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 7.000.000 đồng/ha; thiệt hại hơn 70% hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

b. Diện tích nuôi cua biển, tôm quảng canh, quảng canh cải tiến và tôm – lúa luân canh bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

c. Diện tích nuôi tôm sú thâm canh bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha;

d. Diện tích nuôi tôm chân trắng thâm canh bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;

e. Diện tích nuôi nghêu, sò huyết, sò lông bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha;

f. Diện tích nuôi cá tra, cá ba sa thâm canh bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha;

g. Lồng, bè nuôi bị thiệt hại từ 30-70% hỗ trợ 7.000.000 đồng/100 m³ lồng; thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/100 m³ lồng.

Căn cứ phương thức, đối tượng nuôi, mật độ thả theo định mức kỹ thuật nuôi và thiệt hại thực tế về giống, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho các hộ

nuôi các loại thủy sản cùng nhóm đối tượng nhưng không vượt quá mức hỗ trợ được quy định trên.

4. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho cây lúa và giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản) thì mức hỗ trợ tương đương mức hỗ trợ bằng tiền được quy đổi theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ.

1. Diện tích cây trồng, nuôi trồng thủy sản và số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm phải có xác nhận của chính quyền cấp xã, phường, thị trấn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế huyện, thị xã, thành phố và Quyết định hỗ trợ của UBND huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ thanh toán hỗ trợ.

a. Đối với cây trồng: Căn cứ vào bảng kê thiệt hại của các xã về diện tích gieo trồng (lúa, ngô, hoa màu), diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại (chi tiết đến từng đối tượng), Chủ tịch UBND xã thành lập hội đồng kiểm tra bao gồm chính quyền cấp xã và mời đại diện các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành của huyện để lập biên bản kiểm tra; đồng thời, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất báo cáo UBND cấp huyện thẩm định để làm căn cứ thanh toán hỗ trợ theo quy định.

b. Đối với vật nuôi: Căn cứ vào bảng kê thiệt hại của các xã về số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại (chi tiết đến từng đối tượng), Chủ tịch UBND xã thành lập hội đồng kiểm tra (bao gồm: Chính quyền cấp xã và mời đại diện các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành của huyện) để lập biên bản kiểm tra; đồng thời, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất báo cáo UBND cấp huyện thẩm định để làm căn cứ thanh toán hỗ trợ theo quy định.

c. Đối với nuôi trồng thủy sản:

- Vùng, cơ sở nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc vùng nuôi nằm ngoài quy hoạch nhưng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận bằng văn bản;

- Tuân thủ lịch thời vụ thả giống thủy sản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; giống thủy sản nuôi được kiểm dịch trước khi thả nuôi, có hồ sơ lưu tại cơ sở;

- Căn cứ vào bảng kê thiệt hại của các xã về diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại (chi tiết đến từng đối tượng), Chủ tịch UBND xã thành lập hội đồng kiểm tra (bao gồm: Chính quyền cấp xã và mời đại diện các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành của huyện) để lập biên bản kiểm tra; đồng thời, tổng hợp

nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất báo cáo UBND cấp huyện thẩm định để làm căn cứ thanh toán hỗ trợ theo quy định.

2. Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên từng địa bàn làm căn cứ hỗ trợ phải nằm trong quyết định công bố loại thiên tai, dịch bệnh của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc xác định mức độ thiệt hại (*căn cứ theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Điều 6. Thủ tục hỗ trợ

1. Đối với cây trồng

- Giống cây trồng được sử dụng phải có công bố tiêu chuẩn theo qui định hiện hành (trừ trường hợp giống chưa có quy chuẩn quốc gia).

- Đơn đề nghị xác nhận thiệt hại của tổ chức, cá nhân (Phụ lục 1a).

- Bảng thống kê tổng hợp diện tích bị thiệt hại của ấp, khóm, khu vực; diện tích từng loại cây trồng (Phụ lục 2a).

- Biên bản kiểm tra của Hội đồng kiểm tra UBND xã, phường, thị trấn (Phụ lục 3); đồng thời tổng hợp nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất báo cáo huyện, thị, thành phố nhu cầu kinh phí hỗ trợ (Phụ lục 4a).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị, thành phố thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí đề nghị tỉnh hỗ trợ (Phụ lục 5a) và ban hành Quyết định hỗ trợ để làm căn cứ thanh toán theo quy định.

2. Đối với vật nuôi

- Giống vật nuôi được sử dụng phải có công bố tiêu chuẩn theo qui định hiện hành (trừ trường hợp giống chưa có quy chuẩn quốc gia).

- Đơn đề nghị xác nhận thiệt hại của tổ chức, cá nhân (Phụ lục 1b).

- Bảng thống kê tổng hợp số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại của ấp, khóm, khu vực; số lượng từng loại vật nuôi (Phụ lục 2b).

- Biên bản kiểm tra của Hội đồng kiểm tra UBND xã, phường, thị trấn (Phụ lục 3); đồng thời tổng hợp nhu cầu hỗ trợ giống khôi phục sản xuất báo cáo huyện, thị, thành phố nhu cầu kinh phí hỗ trợ (Phụ lục 4b).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị, thành phố thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí đề nghị tỉnh hỗ trợ (Phụ lục 5b) và ban hành Quyết định hỗ trợ để làm căn cứ thanh toán theo quy định.

3. Đối với nuôi trồng thủy sản

- Đơn đề nghị xác nhận thiệt hại của tổ chức, cá nhân (Phụ lục 1c).



- Bảng thống kê tổng hợp diện tích, lồng nuôi thủy, hải sản bị thiệt hại của ấp, khóm, khu vực; số lượng từng loại thủy sản (Phụ lục 2b).

- Biên bản kiểm tra của Hội đồng kiểm tra UBND xã, phường, thị trấn (Phụ lục 3); đồng thời tổng hợp nhu cầu hỗ trợ giống khôi phục sản xuất báo cáo huyện, thị xã, thành phố nhu cầu kinh phí hỗ trợ (Phụ lục 4b).

- UBND cấp huyện, thị, thành phố thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí đề nghị tỉnh hỗ trợ (Phụ lục 5b) và ban hành Quyết định hỗ trợ để làm căn cứ thanh toán theo quy định này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục hồ sơ xem xét, giải quyết hỗ trợ

1. Khi có quyết định công bố thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn, Trưởng khóm, ấp triển khai, hướng dẫn tổ chức, cá nhân trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản kê khai chi tiết số lượng vật nuôi bị thiệt hại, diện tích trồng trọt và thủy sản bị thiệt hại, lập Bảng thống kê gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn đề nghị xác định mức độ thiệt hại để xét hỗ trợ.

2. Căn cứ Bảng thống kê số lượng vật nuôi, diện tích trồng trọt, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại của các khóm, ấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thành lập Hội đồng kiểm tra bao gồm chính quyền xã, Hội Nông dân cấp xã, Trưởng ấp có liên quan, mời Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện, Trạm Thú y cấp huyện tham gia kiểm tra thực tế, lập biên bản, xác định thiệt hại, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ để khôi phục sản xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, ban hành quyết định hỗ trợ cho từng tổ chức, cá nhân.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp nhu cầu kinh phí báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, thẩm định chuyển Sở Tài chính xem xét, cân đối, bố trí kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kinh phí hỗ trợ.

Chương 3 KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện được trích từ 03 nguồn chính: Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Việc lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a. Chịu trách nhiệm công bố, triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy định này và phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong triển khai thực hiện.

b. Ban hành hướng dẫn về phương thức xác định mức độ thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản.

c. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố thiên tai, dịch bệnh theo quy định.

d. Tổng hợp diện tích thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và nhu cầu hỗ trợ (giống, vật tư nông nghiệp) cây trồng, vật nuôi và thủy sản trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị Sở Tài chính thẩm định, cân đối, bố trí nguồn kinh phí. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ hóa chất dập dịch từ Quỹ dự trữ Quốc gia cho tỉnh Kiên Giang.

e. Xem xét kiến nghị của các địa phương, các sở, ban ngành có liên quan để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy định này cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính.

a. Trên cơ sở thẩm định mức độ thiệt hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhu cầu kinh phí hỗ trợ của các địa phương, Sở Tài chính thẩm định mức kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, hỗ trợ kịp thời khôi phục sản xuất.

b. Hướng dẫn các huyện, thị, thành phố thủ tục tạm ứng ngân sách, cấp phát và quyết toán kinh phí hỗ trợ đúng quy định, chi kịp thời để khôi phục sản xuất.

c. Tổng hợp kết quả hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản khôi phục sản xuất trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch bệnh cho Kiên Giang theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a. Chủ động tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn, ngăn chặn, hạn chế đến mức thấp nhất lây lan dịch bệnh.

b. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, xác định mức độ thiệt hại, đối tượng và kinh phí hỗ trợ

giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản do thiên tai, dịch bệnh, báo cáo kịp thời và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác số liệu báo cáo. Yêu cầu, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp dưới trong việc thực hiện công khai, dân chủ khi thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách đối với các cá nhân, dân cư.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

a. Chỉ đạo cán bộ chuyên môn cấp xã, phường, thị trấn tiến hành xác minh theo đơn đề nghị xác nhận thiệt hại cây trồng, vật nuôi, thủy sản của người dân gửi đến.

b. Chỉ đạo Ban lãnh đạo khóm, ấp, khu vực tiến hành thống kê cây trồng, vật nuôi và thủy sản bị thiệt hại trên địa bàn khi có thiên tai hay dịch bệnh xảy ra để tổng hợp, báo cáo về xã, phường, thị trấn.

c. Khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra, chủ động thành lập Hội đồng kiểm tra để đánh giá mức độ thiệt hại của từng hộ, địa phương mình, đồng thời tổng hợp nhu cầu hỗ trợ báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của số liệu báo cáo.

5. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

a. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung kê khai thiệt hại, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã kê khai.

b. Sử dụng kinh phí, vật tư hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Sa

Mẫu số 1a
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
(Xác nhận thiệt hại cây trồng do thiên tai, dịch bệnh gây ra)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tôi tên là:.....; Sinh năm:

Địa chỉ:.....

Ngày tháng năm 20...., tôi đã tiến hành trồng:

- Đối tượng:.....

.....

- Số lượng:.....

.....

Khai báo thiệt hại:

- Trên đối tượng :.....

- Tổng diện tích bị thiệt hại :.....ha.

- Mức độ thiệt hại: từ 30-70% là :..... ha ; trên 70% là :..... ha

.....

Do.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã thành lập Đoàn đi xác nhận mức độ thiệt hại của cơ sở, để tôi được hưởng chính sách hỗ trợ giống cây trồng để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về những thông tin tự khai trên đây trước pháp luật.

.....ngày.....tháng năm 20.....

Người làm đơn
(ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
(Xác nhận thiệt hại vật nuôi do thiên tai, dịch bệnh gây ra)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tôi tên là:.....; Sinh năm:

Địa chỉ:

Ngày tháng năm 20...., đã thả nuôi:

- Đối tượng:

.....

- Số lượng:.....

.....

Cơ sở chăn nuôi của tôi bị thiệt hại tổng số: con. Bao gồm:

.....

.....

.....

.....

Do :.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã thành lập Đoàn đi xác nhận mức độ thiệt hại của cơ sở, để tôi được hưởng chính sách hỗ trợ giống vật nuôi khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về những thông tin tự khai trên đây trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

Người làm đơn

(Ký tên và ghi họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

(Xác nhận thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai, dịch bệnh)

Kính gửi:

Tôi tên là:

Địa chỉ:.....

.....

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh như sau:

Loài thủy sản nuôi:

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản:ha.

Thời điểm thả giống:

Số lượng giống thả nuôi:.....con, nguồn gốc:

Hồ sơ lưu về giống gồm có:.....

.....

Hình thức nuôi:.....

Thiệt hại từ 30-70% là:ha hoặc 100 m³ lồng.

Thiệt hại trên 70% là:.....ha hoặc 100 m³ lồng.

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....ngày.....tháng năm 20.....

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ và tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....
 ẤP (KHU PHỐ).....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
 VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

S T T	Đơn vị (hộ)	Tổng hợp thiệt hại										Tổng giá trị thiệt hại (triệu đồng)
		Diện tích thiệt hại trên 70%					Diện tích thiệt hại từ 30-70%					
		Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây an quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây an quả lâu năm (ha)	
1	Nguyễn Văn A											
2	Nguyễn Thị B											
3												
Tổng cộng												

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG ẤP

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....
 ẤP (KHU PHỐ).....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG VẬT NUÔI, THỦY SẢN KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
 VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Tổng hợp thiệt hại										Tổng giá trị thiệt hại (triệu đồng)
S T T	Đơn vị (hộ)	Thiệt hại đối với vật nuôi				Thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản				
						Thiệt hại từ 30- 70%				
		Gia cầm (con)	Heo (con)	Trâu, bò, ngựa (con)	Hươu, nai, cừu, dê (con)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	Lồng, bè nuôi trồng hải sản (m ³)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	Lồng, bè nuôi trồng hải sản (m ³)	
1	Nguyễn Văn A									
2	Nguyễn Thị B									
3										
Tổng cộng										

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG ẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Kiểm tra thiệt hại cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản
do thiên tai, dịch bệnh và đề xuất các biện pháp phòng, chống**

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi gồm:

1. Ông/Bà:....., chức vụ:.....
2. Ông/Bà:....., chức vụ:.....
3. Ông/Bà:....., chức vụ:.....
4. Ông/Bà:....., chức vụ:.....
5. Ông/Bà:....., chức vụ:.....

Cùng tiến hành kiểm tra, xác định mức độ thiệt hại đối với trồng trọt [],
chăn nuôi [], nuôi trồng thủy sản [], tại hộ ông (bà).....
địa chỉ ấp....., xã....., huyện.....

Kết quả như sau:

1. Thông tin chung về tình hình thiên tai, dịch bệnh

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Kết luận và đề xuất các biện pháp phòng, chống

2.1 Số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại:.....con.

2.2 Tổng diện tích trồng trọt bị thiệt hại (nêu rõ đối tượng, diện tích)

2.3 Diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại (nêu rõ đối tượng, diện tích)

2.4 Số lượng lồng nuôi trồng hải sản bị thiệt hại là:..... lồng; Với mức độ thiệt hại là:.....% (*mức 30-70% hoặc trên 70%*).

Đề xuất:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....
 XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
 VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Tổng hợp thiệt hại													Tổng giá trị thiệt hại (triệu đồng)
S T T	Đơn vị (hộ)	Diện tích thiệt hại trên 70%					Diện tích thiệt hại từ 30-70%						
		Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây an quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây an quả lâu năm (ha)		
1	Nguyễn Văn A												
2	Nguyễn Thị B												
3													
Tổng cộng													

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH
 (ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....
 XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIÓNG VẬT NUÔI, THỦY SẢN KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
 VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....)
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Tổng hợp thiệt hại									Tổng giá trị thiệt hại (triệu đồng)
S T T	Đơn vị (hộ)	Thiệt hại đối với vật nuôi				Thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản			
						Thiệt hại từ 30-70%			
		Gia cầm (con)	Heo (con)	Trâu, bò, ngựa (con)	Hươu, nai, cừu, dê (con)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	Lồng, bè nuôi trồng hải sản (m ³)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	
1	Nguyễn Văn A								
2	Nguyễn Thị B								
3									
Tổng cộng									

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH
 (Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....
 HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIÓNG CÂY TRỒNG KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
 VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Tổng hợp thiệt hại													Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)
S T T	Đơn vị (hộ)	Diện tích thiệt hại trên 70%					Diện tích thiệt hại từ 30-70%						
		Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây an quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây an quả lâu năm (ha)		
1	XÃ A												
2	XÃ B												
3													
Tổng cộng													

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH
 (ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....
HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIÓNG VẬT NUÔI, THỦY SẢN KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngàytháng.....năm.....đến ngàythángnăm.....)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13.24/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

S T T	Đơn vị (hộ)	Tổng hợp thiệt hại							Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	
		Thiệt hại đối với vật nuôi				Thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản				
						Thiệt hại từ 30-70%				
		Gia cầm (con)	Heo (con)	Trâu, bò, ngựa (con)	Hươu, nai, cừu, dê (con)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	Lồng, bè nuôi trồng hải sản (m ³)	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	Lồng, bè nuôi trồng hải sản (m ³)	
1	XÃ A									
2	XÃ B									
3										
Tổng cộng										

Ngàythángnăm.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)